

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2021, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Nguyễn Phương K, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 336/41B đường L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Phạm Thị Bạch C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 02 đường M, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Bạch C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phạm Phương T1, sinh năm 1989, Nguyễn Phạm Phương T2, sinh năm 1991 và Nguyễn Phạm Trúc K, sinh năm 1994 (các con chung đã thành niên).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Bạch C tự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Bạch C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phạm Phương T1, sinh năm 1989, Nguyễn Phạm Phương T2, sinh năm 1991 và Nguyễn Phạm Trúc K, sinh năm 1994 (các con chung đã thành niên).

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Bạch C tự khai không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Bạch C mỗi người phải nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông K và bà C đã nộp theo biên lai thu số 0038546 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/1989 ngày 10/3/1989 của Ủy ban nhân dân Phường N, Quận S không còn hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Q.6;
- UBND P.N, Q.S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Bé Bảy